

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *09* /QĐ-NTB

TP.HCM., ngày...*04* tháng...*10*... năm...*2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý 3 năm 2023 của Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo Quyết định số 7076/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy Ban Nhân Dân Quận 1 về việc Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Khối Giáo Dục cho Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu chi ngân sách quý 3 năm 2023 của Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT;

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Ngọc Hiếu

...01., ngày ...04 tháng ...10 Năm...2023.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 3/ 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 3 năm 2023 theo Quyết định số 08 /QĐ-NTB ngày 04-10-2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 3/2023	Thực hiện Dự toán Quý 3/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu	4.182.424.000	107.014.900		
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.182.424.000	107.014.900	3	
	1. Thu sự nghiệp khác	4.066.924.000	105.952.500	3	
	- Tiền phục vụ bán trú	1.944.000.000	25.800.000	1	
	- Tiền vệ sinh bán trú	324.000.000	4.275.000	1	
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	111.600.000	0	0	
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	456.150.000	16.537.500	4	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Tin học	459.000.000	10.260.000	2	
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường ,tự chọn Tiếng Anh	177.750.000	3.700.000	2	
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh(người nước ngoài)	127.224.000	19.340.000	100	
	- Tiền Giáo dục kỹ năng sống		12.400.000		
	- Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa, các môn năng khiếu	467.200.000	13.640.000	3	
	2. Thu cung ứng dịch vụ:	112.500.000	0	0	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Trạm phát sóng VNPT)	90.000.000	0	0	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Căntin)	22.500.000	0	0	
	3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng:	3.000.000	1.062.400	35	
	- Lãi gửi ngân hàng	3.000.000	1.062.400		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.510.000.000	2.406.592.232		
	Chi thường xuyên:				
1	Từ NSNN:	10.426.000.000	2.406.592.232	23	
	Chi thanh toán cá nhân	5.484.879.000	1.262.745.070	23	
	Chi tiền lương	2.625.499.000	687.288.909	26	
	- Lương theo ngạch, bậc	2.497.478.000	671.088.909	27	
	- Lương theo hợp đồng (chuyên môn)	74.381.000	0		
	- Lương theo hợp đồng (phổ cập)	53.640.000	16.200.000	30	
	Phụ cấp lương	1.643.267.000	373.770.559	23	
	- Phụ cấp chức vụ	51.852.000	12.782.000	25	
	- Chi PC làm thêm giờ	192.840.000	0	0	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 3/2023	Thực hiện Dự toán Quý 3/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Chi PC ưu đãi nghề	883.879.000	235.607.250	27	
	- Chi PC trách nhiệm	10.728.000	2.328.000	22	
	- Chi PC độc hại (Thư viện)	0	0	0	
	- Chi PC thâm niên nhà giáo, vượt khung	503.968.000	123.053.309	24	
				0	
	Chi Học bổng học sinh sinh viên	14.160.000	8.250.000	58	
	Hỗ trợ chi phí học tập	7.160.000	0	0	
	Miễn giảm HP theo NĐ 86	7.000.000	8.250.000	118	
	Các khoản đóng góp	747.610.000	193.435.602	26	
	Bảo hiểm xã hội	556.731.000	144.047.790	26	
	Bảo hiểm y tế	95.440.000	24.693.906	26	
	Kinh phí công đoàn	63.626.000	16.462.604	26	
	Bảo hiểm thất nghiệp	31.813.000	8.231.302	26	
	Thanh toán khác cho cá nhân	454.343.000	0	0	
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	304.343.000		0	
	Chi hỗ trợ GV dạy hòa nhập khuyết tật	120.000.000		0	
	Trợ cấp, phụ cấp khác (Tiết thực hành GV Thử Dục)	30.000.000		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	211.000.000	30.590.773	14	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	156.000.000	23.222.773	15	
	Tiền điện	60.000.000	11.887.441	20	
	Tiền nước	60.000.000	7.142.772	12	
	Tiền vệ sinh môi trường	36.000.000	4.192.560	12	
	Vật tư văn phòng	25.000.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	25.000.000		0	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0			
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	6.000.000	1.368.000	23	
	Cước phí điện thoại				
	Cước phí bưu chính				
	Thuê bao cáp truyền hình				
	Cước phí internet, đường truyền mạng				
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	6.000.000	1.368.000	23	
	Chi phí hội nghị:	0	0		
	Chi phí khác				
	Công tác phí	24.000.000	6.000.000	25	
	Khoản công tác phí	24.000.000	6.000.000	25	
	Chi hỗ trợ, giải quyết việc làm	0			
	Chi TC thôi việc		0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	0		
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Nhà cửa				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Đường điện cấp thoát nước				
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0		
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 3/2023	Thực hiện Dự toán Quý 3/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí thuê mướn khác	80.780.000	20.472.148		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước	80.780.000	20.472.148	25	
	Thuê đào tạo lại cán bộ				
	Chi phí thuê mướn khác				
	Chi lập các quỹ	304.341.000	0		
	Quỹ phúc lợi	101.447.000			
	Quỹ khen thưởng	101.447.000			
	Quỹ phát triển HDSN	101.447.000			
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	4.182.424.000	454.863.068	94	
	Chi thanh toán cá nhân	2.778.158.000	202.612.800	7	
	Chi tiền lương	1.093.500.000	163.912.800	15	
	- Lương theo ngạch, bậc			0	
	- Lương theo hợp đồng :		40.112.800	0	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.093.500.000	123.800.000	11	
	Phụ cấp lương				
	- Phụ cấp chức vụ				
	- Chi PC làm thêm giờ				
	- Chi PC ưu đãi nghề				
	- Chi PC trách nhiệm				
	- Chi PC độc hại (Thư viện)				
	- Chi PC thâm niên nhà giáo				
	- Chi PC thâm niên vượt khung				
	Các khoản đóng góp	226.395.000	0	0	
	Bảo hiểm xã hội	184.275.000		0	
	Bảo hiểm y tế	31.590.000		0	
	Kinh phí công đoàn				
	Bảo hiểm thất nghiệp	10.530.000		0	
	Thanh toán khác cho cá nhân	1.458.263.000	38.700.000	3	
	Trợ cấp,phụ cấp khác(GV dạy 2 b)	1.458.263.000		0	
	Trợ cấp Lễ 2/9		20.700.000		
	Trợ cấp tham quan, học tập				
	Khen thưởng thi đua(Gv đạt CSTĐ 2022-2023)		18.000.000		
	Khác (nước uống GV)				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	352.000.000	48.898.413	65	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	243.000.000	16.988.813	7	
	Tiền điện	108.000.000	5.571.385	5	
	Tiền nước	58.500.000	8.033.428	14	
	Tiền vệ sinh môi trường	76.500.000	3.384.000	4	
	Vật tư văn phòng	55.000.000	31.464.400	57	
	Văn phòng phẩm	20.000.000			
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	35.000.000	31.464.400		
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	54.000.000	445.200	1	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 3/2023	Thực hiện Dự toán Quý 3/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước phí điện thoại	4.500.000	13.200	0	
	Cước phí bưu chính				
	Thuê bao cáp truyền hình	40.500.000		0	
	Cước phí internet, đường truyền mạng				
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	9.000.000	432.000		
	Chi Hội Nghị	0	0	0	
	Chi in, mua tài liệu				
	Chi phí khác				
	Công tác phí	0	0		
	Khoán công tác phí				
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	207.000.000	33.003.000	16	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	198.000.000			
	Nhà cửa				
	Các thiết bị công nghệ thông tin	9.000.000	27.003.000	300	
	Tài sản và thiết bị văn phòng		6.000.000		
	Đường điện cấp thoát nước				
	Đường sá, cầu cống, bến cảng sân bay				
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	519.200.000	29.150.550	6	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	25.000.000			
	Tài sản và thiết bị văn phòng	25.000.000			
	Các thiết bị công nghệ thông tin	39.000.000			
	Mua, Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		5.000.000		
	Tài sản và thiết bị khác	45.000.000	3.899.500		
	Chi mua hàng hóa, vật tư	273.600.000	11.611.050	4	
	Mua ăn chi, pho to tài liệu				
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	26.000.000	8.640.000		
	Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	85.600.000			
	Chi phí thuê mướn khác	0	23.020.000		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước (GV dạy CLB)		22.720.000		
	Thuê đào tạo lại cán bộ (Bồi dưỡng N vụ Văn thư)		300.000		
	Chi phí thuê mướn khác (Trả TT GD Kỹ năng sống))				
	Chi phí thuê mướn khác (Trả Trung Tâm Anh ngữ)				
	Chi không thường xuyên:	163.106.000			
1	Từ NSNN:	84.000.000	0	0	
	Chi lương ,Bảo hiểm cho GV phổ cập				
	Chi mua Hàng hóa vật tư				
	Chi mua sắm TSCĐ				
	Chi sửa chữa nhà cửa (chống thấm P học, P Ch năng, mặt dựng nhà xe)				
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi thực hiện các CTMTQG				
	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 3/2023	Thực hiện Dự toán Quý 3/2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi ĐTXDCB				
	Chi đối ứng các dự án				
	Chi khác (nếu có) (chi tiết từng nội dung)				
	- Trợ cấp Tết	61.500.000		0	
	- Trợ cấp Phó Tổng Phụ trách Đội	22.500.000		0	
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	79.106.000	118.178.305		
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi mua sắm, sửa chữa				
	Chi nộp thuế	79.106.000	117.666.185	149	
	Chi phí ngân hàng		512.120	0	
3	Chi CNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	4.345.000.000	1.092.784.241	25	
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp	4.345.000.000	965.514.036	22	
	- Từ nguồn CCTL từ nguồn thu SN				
	- Chi Lương ,PC(chênh lệch MLCS 1.490.000 đ lên 1.800.000đ)từ Nguồn CCTL		127.270.205		
	PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TỪ KHOẢN CHÊNH LỆCH THU LỚN HƠN CHI	246.960.000			
	Trích CCTL theo quy định	98.784.000			
	Chi thu nhập tăng thêm				
	Trích lập các quỹ	148.176.000		0	
	Quỹ phúc lợi	39.419.000		0	
	Quỹ khen thưởng	39.419.000		0	
	Quỹ phát triển HDSN	39.419.000		0	
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	29.919.000			
	TỔNG CỘNG CHI	14.692.424.000	2.861.455.300		

Lập Bảng



Nguyễn Thị Kim Loan

Ngày 04 tháng 10 năm 2023

Hiệu Trưởng



Phạm Ngọc Hiếu